TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-12-2025
V/v Tranh chấp ly hôn, về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Đương

Ông Trương Văn Mên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Đào Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu T Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long: Bà Tiết Thị L – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long: Ông Nguyễn Hữu T – Thẩm phán Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại điểm cầu T Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp kết hợp trực tuyến vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Thị N, sinh ngày 01/01/1992. Cư trú: Khóm G, phường D, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Minh L1, sinh ngày 03/11/1996. Cư trú: ấp X, xã L, tỉnh Vĩnh Long (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ

án nguyên đơn chị Lâm Thị N trình bày: Vào năm 2020 chị với anh Phan Minh L1 do quen biết, yêu thương nhau, qua một thời gian tìm hiểu nên chị với anh Phan Minh L1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và được sự đồng ý của 02 bên gia đình bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của người Việt Nam, đến ngày 23/03/2020 chị với anh Phan Minh L1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân Phường D). Sau khi kết hôn, chị và anh Phan Minh L1 sống chung với gia đình chồng ở ấp X, xã L, tỉnh Vĩnh Long được một khoảng thời gian đến khoảng tháng 03/2021 thì chị với con trở về bên gia đình cha, mẹ ruột để sinh sống, còn anh Phan Minh L1 tiếp tục sống ở ấp X cùng cha, mẹ ruột. Khi sống chung, chị với anh Phan Minh L1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình hai người không hợp, bất đồng về lối sống, công việc thường ngày, khoảng cách xa nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai đã nhiều lần hàn gắn và được gia đình hàn gắn nhưng ai cũng có cái tôi riêng không thay đổi được. Chị với anh Phan Minh L1 không còn sinh hoạt vợ chồng từ tháng 5/2024 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, chị với anh Phan Minh L1 có 01 con chung tên Phan Lâm Gia T1, sinh ngày 12/10/2020 hiện nay đang sống chung với chị. Quá trình chung sống, chị với anh Phan Minh L1 không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ chị với anh L1. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Minh L1. Về con chung: Phan Lâm Gia T1, sinh ngày 12/10/2020 chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và chị không yêu cầu ông Phan Minh L1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Minh L1 trình bày: Anh có lời trình bày như chị Lâm Thị N về quá trình quen biết, kết hôn, mâu thuẫn gia đình và con chung. Anh Phan Minh L1 cho rằng vợ chồng có nhiều lần mâu thuẫn cãi nhau được gia đình hàn gắn tình cảm nhưng ai cũng có cái tôi riêng không ai chịu nhường ai, vợ chồng không sống gần nhau nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn đã không còn sinh hoạt vợ chồng từ tháng 5/2024 cho đến nay. Tuy nhiên, anh vẫn còn thương vợ con muốn cho con có gia đình trọn vẹn nên anh không đồng ý ly hôn. Anh với chị Lâm Thị N có 01 con chung tên Phan Lâm Gia T1, sinh ngày 12/10/2020 hiện nay đang sống chung với chị N. Trong quá trình chung sống anh và chị Lâm Thị N không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ anh với chị Lâm Thị N. Nay, anh không đồng ý ly hôn với chị Lâm Thị N. Về con chung: Phan Lâm Gia T1, sinh ngày 12/10/2020, nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chị N và anh L1 xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được dẫn đến không còn sống chung từ tháng 5/2024 cho đến nay. Anh L1 cho rằng còn thương vợ con muốn tiếp tục hàn gắn nhưng chị N không đồng ý vì không còn tình cảm, không đồng ý tiếp tục sống chung với anh L1 và cương quyết ly hôn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung tên Phan Lâm Gia T1, sinh ngày 12/10/2020 chị N và anh L1 thống nhất nếu Tòa án cho ly hôn giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh L1 không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị N yêu cầu ly hôn với anh Phan Minh L1; Về con chung: Phan Lâm Gia T1, sinh ngày 12/10/2020 giao cho chị N nuôi dưỡng sau khi ly hôn và anh L1 không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị N yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phan Minh L1 và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn, về nuôi con" và bị đơn cư trú tại ấp X, xã L, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Phan Minh L1 vắng mặt tại phiên tòa có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị N và anh Phan Minh L1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân Phường D) vào ngày 23/03/2020 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 10), phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L1 là hợp pháp. Xét thấy, sau khi kết hôn, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L1 phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 3 năm 2021

đến nay, vợ chồng sinh sống và làm việc tại mỗi nơi khác nhau, không còn điều kiện quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của vợ chồng. Đến tháng 5 năm 2024, chị N và anh L1 chính thức ly thân cho đến nay, không còn chung sống, đời sống vợ chồng thực tế đã chấm dứt. Mặc dù anh L1 không đồng ý ly hôn với lý do còn tình cảm với chị N và mong muốn con chung có gia đình đầy đủ, hạnh phúc. Tuy nhiên, xét thấy tình cảm vợ chồng chỉ có thể duy trì khi cả hai bên cùng tự nguyện và có thiện chí hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định pháp luật nhưng không đạt kết quả; các bên không có biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ, tiếp tục chung sống và chị N xác định không còn tình cảm với anh L1, cương quyết ly hôn. Việc vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân trong tình trạng hình thức không bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên cũng như không bảo đảm môi trường ổn định, lành mạnh cho con chung. Do đó, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N theo quy định tại các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị N và anh L1 có với nhau 01 người con chung tên Phan Lâm Gia T1, sinh ngày 12/10/2020. Hiện nay, con chung đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, việc học tập và sinh hoạt ổn định. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung do chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống và sinh hoạt ổn định; Chị N có điều kiện phù hợp để bảo đảm việc chăm sóc, giáo dục con. Quá trình giải quyết vụ án, chị N với anh L1 đã thống nhất, nếu Tòa án cho ly hôn thì anh L1 đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với lợi ích mọi mặt của con chung. Do đó, căn cứ các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung Phan Lâm Gia T1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị N và anh L1 không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lâm Thị N và anh Phan Minh L1 xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo quy định của pháp luật.

[7] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị N; Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và các điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Các điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị N.

1. Về hôn nhân: Chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Phan Minh L1.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Lâm Gia T1, sinh ngày 12/10/2020 cho chị Lâm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi từ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh L1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lâm Thị N và anh Phan Minh L1 xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005664 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Lâm Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND Phường Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng Tiền